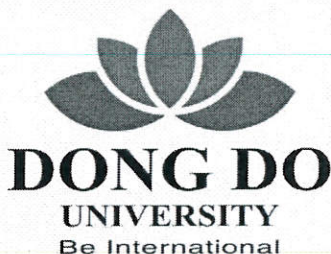




**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO**



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-DHDD ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Ngôn ngữ Hàn Quốc
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Hàn Quốc
Mã ngành : 7220210
Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025





CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ- ĐHNB ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc mặc dù mới được xây dựng, nhưng đã được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và thị trường lao động có liên quan đến ngôn ngữ Hàn Quốc. Đồng thời hướng đến đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc có kiến thức, kỹ năng thực hành theo chuẩn năng lực ngoại ngữ trình độ đại học Việt Nam đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong nước và hội nhập Quốc tế

Thông tin chung:

+ Tên tiếng Việt: Ngôn Ngữ Hàn Quốc

+ Tên tiếng Anh: Korea Language

Mã ngành: 7220210

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian: 4 năm

Tên bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc

+ Tiếng Anh: Korea Language bachelor's degree

Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Ngôn ngữ Hàn Quốc

Hình thức đào tạo: Chính quy

Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt, Tiếng Hàn

Thông tin tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):

Tổ hợp xét tuyển học sinh tốt nghiệp lớp 12:

+ Khối D 01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

+ Khối DD 2: Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn

+ Khối A01: Toán, Lý, Tiếng Anh

+ Khối D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

+ Khối D78: Toán, KHXH, Tiếng Anh

+ Khối C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa Lý.

+ Các phương án xét tuyển mới sẽ được trường Đại học Đông Đô cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển học bạ

Điều kiện tốt nghiệp:

- + Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên;
- + Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- + Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên
- + Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng
- + Có chứng chỉ giáo dục thể chất
- + Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc đó là đào tạo “Học để thay đổi”, trường Đại học Đông Đô đề cao công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên, tạo môi trường giáo dục lành mạnh giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các giá trị chân, thiện, mỹ, những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; nỗ lực phát huy vai trò của sinh viên trong công tác tự học, tự tu dưỡng đạo đức lối sống; hình thành cho sinh viên động cơ phấn đấu, rèn luyện đúng đắn, bồi dưỡng cho sinh viên tinh thần cầu tiến, vươn lên tự khẳng định mình. Chương trình cử nhân Ngành ngôn ngữ Hàn Quốc theo định hướng tiếng Hàn Quốc biên dịch - phiên dịch và tiếng Hàn Quốc thương mại, đặt mục tiêu đào tạo ra những nhà chuyên môn có năng lực tốt, khả năng thích ứng cao, thành thạo về tiếng Hàn; có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, nắm bắt và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy và giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc tập thể. Ngoài năng lực ngôn ngữ, sinh viên được trang bị những hiểu biết về văn hóa, đất nước con người Hàn Quốc một cách khái quát. Có thể sử dụng tiếng Hàn Quốc như một nghề nghiệp, hay một công cụ hỗ trợ để học tập, nghiên cứu các chuyên ngành khác. Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Phân tích và áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phân tích và đánh giá các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; Vận dụng kiến thức khoa học và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao trong quá trình tập luyện, tự rèn luyện các hoạt động thể thao cộng đồng; Vận dụng những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt; Ứng dụng thành thạo kiến thức về công nghệ thông tin trong học tập, công tác và các lĩnh vực của cuộc sống vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành đào tạo; Nắm bắt được kiến thức cơ bản về pháp luật; Có trình độ ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; Trình bày được các khái niệm cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa học để phục vụ việc học tập và nghiên cứu ngoại ngữ và phát

triển chuyên môn.

PO2: Về kiến thức cơ sở ngành: Hiểu được kiến thức và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Hàn Quốc về các chủ điểm liên quan đến cuộc sống sinh hoạt thường ngày; Nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp sơ cấp của tiếng Hàn. Nắm bắt và vận dụng linh hoạt kiến thức về ngôn ngữ Hàn Quốc: Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Ngữ dụng trong công việc chuyên môn; Thể hiện được kiến thức cơ bản về văn hóa, văn học, đất nước và con người Hàn Quốc để có thể giao tiếp thành công trong hội nhập quốc tế;

Về kiến thức chuyên ngành: Vận dụng thành thạo tiếng Hàn vào những mẫu câu đàm thoại vào giao tiếp, thảo luận và thuyết trình. Thực hành tốt hệ thống từ vựng tiếng Hàn vào thực tiễn. Vận dụng từ vựng nhằm soạn thảo các loại văn bản và báo cáo có liên quan (cơ bản) bằng tiếng Hàn. Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật dịch nói và dịch viết trong hoạt động dịch thuật; Vận dụng linh hoạt kiến thức về giao tiếp liên ngôn ngữ và văn hóa trong hoạt động dịch thuật; Nắm bắt và áp dụng được kiến thức về đạo đức, tâm lý và tính chuyên nghiệp trong nghề biên phiên dịch; Có kiến thức về thực tiễn công tác biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc - Tiếng Việt ở trong nước và quốc tế. Có hiểu biết (nghe, nói, đọc và viết) về các thuật ngữ đàm phán, khái niệm và những câu giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường trong đàm phán thương mại tiếng Hàn, Vận dụng thành thạo tiếng Hàn vào những mẫu câu đàm thoại vào giao tiếp, thảo luận và thuyết trình. Thực hành tốt hệ thống từ vựng tiếng Hàn vào thực tiễn. Vận dụng từ vựng nhằm soạn thảo các loại văn bản và báo cáo có liên quan (cơ bản) bằng tiếng Hàn. Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật dịch nói và dịch viết trong hoạt động dịch thuật; Vận dụng linh hoạt kiến thức về giao tiếp liên ngôn ngữ và văn hóa trong hoạt động dịch thuật; Nắm bắt và áp dụng được kiến thức về đạo đức, tâm lý và tính chuyên nghiệp trong nghề biên phiên dịch; Có kiến thức về thực tiễn công tác biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc - Tiếng Việt ở trong nước và quốc tế. Có hiểu biết (nghe, nói, đọc và viết) về các thuật ngữ đàm phán, khái niệm và những câu giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường trong đàm phán thương mại tiếng Hàn.

PO3: Kỹ năng vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn hóa, văn học và dịch thuật để đáp ứng yêu cầu của công việc. Vận dụng thành thạo tiếng Hàn vào những mẫu câu đàm thoại vào giao tiếp, thảo luận và thuyết trình. Vận dụng tiếng Hàn nhằm tìm hiểu thông tin, cập nhật kiến thức đàm phán. Có khả năng sử dụng tiếng Hàn vào vận dụng kiến thức về đàm phán để giải quyết một số tình huống cơ bản trong chuyên môn. Vận dụng linh hoạt kiến thức về giao tiếp liên ngôn ngữ và văn hóa trong hoạt động dịch thuật; Nắm bắt và áp dụng được các nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực du lịch; Vận dụng linh hoạt kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội và chuyên ngành cơ bản vào điều kiện thực tế công việc du lịch; Thuyết trình và đàm phán trong hoạt động kinh doanh du lịch;

PO4: Kỹ năng tổ chức: Thể hiện được kỹ năng phân tích tình hình, tổng hợp thông tin và đưa ra giải pháp cho các vấn đề nảy sinh trong công việc và cuộc sống; Kỹ năng làm việc độc lập: Có thể tự đánh giá kết quả và hoàn thành công việc đúng hạn; Kỹ năng làm việc theo nhóm: Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm một cách hiệu quả và khả năng làm

việc trong các nhóm đa văn hóa, đa ngôn ngữ; Kỹ năng giao tiếp: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức tốt thông qua các hình thức văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình); có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ phi lời nói trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng; Có kỹ năng tập hợp nhân lực để thành lập nhóm, duy trì và phối hợp tốt với cá nhân trong nhóm, phát triển nhóm; có kỹ năng làm việc với các nhóm khác.

PO5: Kỹ năng khai thác sử dụng tiếng Hàn thành thạo để phát huy khả năng đàm phán, thuyết phục, ra quyết định để hoàn thành công việc được giao trên cơ sở có trách nhiệm đối với xã hội và hợp pháp. Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ trong các tình huống giao tiếp thông thường và trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo; Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin: Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin phục vụ chuyên môn; thành thạo trong việc khai thác hiệu quả Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Nắm vững tiếng mẹ đẻ đồng thời biết sử dụng tốt ngoại ngữ đã học, có kỹ năng giao tiếp tốt trong mọi hoàn cảnh, biết soạn thảo văn bản trong phạm vi nghề nghiệp và chuyên môn của mình. Có kỹ năng sử dụng tin học văn phòng, tin học quản lý.

PO6: Thể hiện được năng lực tự chủ và ý thức tự chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Thực hiện việc tự đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn theo năng lực cá nhân; Thể hiện khả năng tự học để nâng cao trình độ về những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc và định hướng được đào tạo. Kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, có năng lực cần thiết để giải quyết những công việc, nhiệm vụ phức tạp thuộc hoạt động giảng dạy, giáo dục; Khả năng sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào giảng dạy, giáo dục và nghiên cứu khoa học;

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Ngôn Ngữ Hàn Quốc sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR	Mô tả chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	
PLO1 (K)	Phân tích và áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhằm giúp cho sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Phân tích và đánh giá các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; Vận dụng kiến thức khoa học và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao trong quá trình tập	K2, K3/5

Ký hiệu CDR	Mô tả chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
	luyện, tự rèn luyện các hoạt động thể thao cộng đồng; Vận dụng những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt; Nắm bắt được kiến thức cơ bản về pháp luật; Có trình độ ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; Trình bày được các khái niệm cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa học để phục vụ việc học tập và nghiên cứu ngoại ngữ và phát triển chuyên môn	
PLO2 (K)	Ứng dụng thành thạo kiến thức về công nghệ thông tin trong học tập, công tác và các lĩnh vực của cuộc sống vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành đào tạo;	K3/5
1.2	Kiến thức cơ sở ngành	
PLO3 (K)	Nắm được phương pháp học tập bậc đại học nói chung, phân biệt nó với các phương pháp học tập ở các cấp học trước; cung cấp kiến thức về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và phương pháp học tập hiệu quả tương ứng; ứng dụng được kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ. Hiểu được kiến thức và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Hàn Quốc về các chủ điểm liên quan đến cuộc sống sinh hoạt thường ngày; Nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp sơ cấp của tiếng Hàn. Nắm bắt và vận dụng linh hoạt kiến thức về ngôn ngữ Hàn Quốc: Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Ngữ dụng trong công việc chuyên môn;	K3/5
PLO4	Thể hiện được kiến thức cơ bản về văn hóa, văn học, đất nước và con người Hàn Quốc để có thể giao tiếp thành công trong giao lưu hội nhập quốc tế; Nắm bắt và áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật học tiếng Hàn Quốc để hỗ trợ cho quá trình học tập suốt đời.	K3/5
1.3	Kiến thức chuyên ngành	
PLO5 (K)	Vận dụng thành thạo tiếng Hàn vào những mẫu câu đàm thoại vào giao tiếp, thảo luận và thuyết trình. Thực hành tốt hệ thống từ vựng tiếng Hàn vào thực tiễn. Vận dụng từ vựng nhằm soạn thảo các loại văn bản và báo cáo có liên quan (cơ bản) bằng tiếng Hàn. Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật dịch nói và dịch viết trong hoạt động dịch thuật; Vận dụng linh hoạt kiến thức về giao tiếp liên ngôn ngữ và văn hóa trong hoạt động dịch thuật; Nắm bắt và áp dụng được kiến thức về đạo đức, tâm lý và tính chuyên nghiệp trong nghề biên phiên dịch; Có kiến thức về thực tiễn công tác biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc - Tiếng Việt ở trong	K4/5

Ký hiệu CDR	Mô tả chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
	nước và quốc tế. Có hiểu biết (nghe, nói, đọc và viết) về các thuật ngữ đàm phán, khái niệm và những câu giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường trong đàm phán thương mại tiếng Hàn. Có am hiểu sơ lược về quy định và tập quán thuộc chuyên ngành thương mại với thương nhân người Hàn Quốc. Vận dụng tiếng Hàn nhằm tìm hiểu thông tin, cập nhật kiến thức đàm phán. Có hiểu biết về văn hóa tổ chức và làm việc trong kinh doanh và đàm phán tại Hàn Quốc, từ đó áp dụng thực tiễn ở Việt Nam. Có kiến thức sơ lược về luật, quy tắc áp dụng trong đàm phán tại Hàn Quốc. Có khả năng sử dụng tiếng Hàn vào vận dụng kiến thức về đàm phán để giải quyết một số tình huống cơ bản trong chuyên môn. Trình bày các kiến thức chung về các điều kiện trong giao dịch thương mại quốc tế (Incoterms). Trình bày các kiến thức chung về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Trình bày các kiến thức tổng quát về quy trình xuất nhập khẩu hàng hóa. Trình bày được các kiến thức nền cơ bản về du lịch của Hàn Quốc và Việt Nam; Áp dụng linh hoạt kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa của Hàn Quốc và Việt Nam trong thực tiễn nghề du lịch; Hiểu và giải thích được các khái niệm về hướng dẫn viên du lịch, cách thức phân loại hướng dẫn viên du lịch. Thể hiện được kiến thức cốt lõi về quy tắc lễ nghi, giao tiếp trong lĩnh vực du lịch và các hoạt động giao lưu quốc tế.	
PLO 6 (K)	Phân tích, đánh giá, vận dụng được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo phát triển bền vững; Có khả năng tổng hợp và phân tích kiến thức cơ bản trong hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lý, điều hành, kinh doanh du lịch. Hiểu và nắm bắt những kiến thức cơ bản về vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế. Hiểu biết về vai trò của nhà quản lý dịch vụ, bản chất của dịch vụ, chiến lược về dịch vụ, hệ thống giao dịch, chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực quản trị du lịch lữ hành, khách sạn - nhà hàng.	K4/5
2	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO7 (S)	Sử dụng thành thạo các kỹ năng thực hành tiếng Hàn Quốc đạt bậc 5 và ngoại ngữ hai đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn hóa, văn học và dịch thuật để đáp ứng yêu cầu của công việc; Thành thạo các kỹ năng dịch thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu khách hàng về chất lượng và thời gian dịch; Ghi	S3 /5

Ký hiệu CDR	Mô tả chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
	nhớ và truyền đạt lại thông tin của ngôn bản từ tiếng Hàn Quốc sang tiếng Việt và ngược lại một cách chính xác và dễ hiểu; Biên tập và hiệu đính các văn bản dịch, tài liệu nghiên cứu và tham gia vào các dự án nghiên cứu chuyên ngành dịch thuật; Nhận xét, đánh giá chất lượng của sản phẩm dịch thuật; Vận dụng thành thạo tiếng Hàn vào những mẫu câu đàm thoại vào giao tiếp, thảo luận và thuyết trình. Vận dụng tiếng Hàn nhằm tìm hiểu thông tin, cập nhật kiến thức đàm phán. Có khả năng sử dụng tiếng Hàn vào vận dụng kiến thức về đàm phán để giải quyết một số tình huống cơ bản trong chuyên môn. Vận dụng linh hoạt kiến thức về giao tiếp liên ngôn ngữ và văn hóa trong hoạt động dịch thuật; Nắm bắt và áp dụng được các nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực du lịch; Vận dụng linh hoạt kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội và chuyên ngành cơ bản vào điều kiện thực tế công việc du lịch; Thuyết trình và đàm phán trong hoạt động kinh doanh du lịch	
PLO8 (S)	Sử dụng có hiệu quả kiến thức công nghệ thông tin, đặc biệt là các phần mềm chuyên dụng xử lý số liệu, vào hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý văn phòng... Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ Topik 3 hoặc ngoại ngữ tiếng Anh B1 để giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.	S3 /5
2.2	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử	
PLO9 (S)	Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp; Kết hợp sáng tạo vấn đề lý thuyết và thực hành trong việc xử lý các tình huống công việc chuyên môn; Phân tích, tổng hợp và ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong công việc chuyên môn; Vận dụng linh hoạt các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thích ứng với thay đổi của thực tế công việc. Thích nghi tốt với môi trường làm việc đa dạng, biết lập kế hoạch, tổ chức và quản lý tốt công việc, biết đặt ra mục tiêu và phân đầu để đạt được mục tiêu, chăm sóc khách hàng và quan tâm đến đối tác. Có năng lực nghiên cứu và giải quyết tốt các vấn đề, vận dụng được kỹ năng phân tích, dự báo, đánh giá vấn đề ở nhiều góc độ khác nhau, đồng thời biết đề xuất giải pháp thực hiện. Có tư duy ngôn ngữ Hàn Quốc, có khả năng thực hiện tốt một công trình nghiên cứu khoa học cấp độ vừa và nhỏ, vận dụng được ngoại ngữ chuyên ngành để khai thác thông tin và cập nhật kiến thức phục vụ cho công việc; không ngừng suy nghĩ cải tiến và sẵn sàng tham gia vào quá trình cải tiến công việc. Vận dụng linh hoạt kiến thức về giao tiếp liên ngôn ngữ và văn hóa trong hoạt động dịch thuật; Phát huy được tính độc lập, sáng	S4/5

Ký hiệu CDR	Mô tả chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
	tạo, khả năng điều hành một nhóm, khả năng thuyết trình và mức độ tư duy, sáng tạo cao. Phân tích và trình bày các quyết định liên quan đến quản trị dịch vụ. Đánh giá quá trình thực hiện hoạch định chiến lược về dịch vụ, chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực quản trị du lịch lữ hành, khách sạn- nhà hàng.	
PLO10	Kỹ năng giải quyết vấn đề: Thể hiện được kỹ năng phân tích tình hình, tổng hợp thông tin và đưa ra giải pháp cho các vấn đề nảy sinh trong công việc và cuộc sống; Kỹ năng làm việc độc lập: Có thể tự đánh giá kết quả và hoàn thành công việc đúng hạn; Kỹ năng làm việc theo nhóm: Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm một cách hiệu quả và khả năng làm việc trong các nhóm đa văn hóa, đa ngôn ngữ; Kỹ năng giao tiếp: Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức tốt thông qua các hình thức văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình); có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ phi lời nói trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng; Có kỹ năng tập hợp nhân lực để thành lập nhóm, duy trì và phối hợp tốt với cá nhân trong nhóm, phát triển nhóm; có kỹ năng làm việc với các nhóm khác. Biết đặt ra mục tiêu và phân đấu để đạt được mục tiêu. Có năng lực quản lý công việc, quản lý nguồn nhân lực. Vận dụng tốt khả năng đàm phán, thuyết phục, ra quyết định để hoàn thành công việc được giao trên cơ sở có trách nhiệm đối với xã hội và hợp pháp.	S4 /5
3	Thái độ/ Năng lực tự chủ và tự trách nhiệm	
PLO11 (A)	Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, sẵn sàng tiếp nhận, nghiên cứu, xử lý các thông tin liên quan nghề nghiệp. Có phương pháp, thái độ làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, sẵn sàng phục vụ xã hội, xây dựng cộng đồng có mối quan hệ, lợi ích hài hòa, giá trị nhân văn cao.	A4/4
PLO12 (A)	Thể hiện được năng lực tự chủ và ý thức tự chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Thực hiện việc tự đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn theo năng lực cá nhân; Thể hiện khả năng tự học để nâng cao trình độ về những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc và định hướng được đào tạo. Kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, có năng lực cần thiết để giải quyết những công việc, nhiệm vụ phức tạp thuộc hoạt động giảng dạy, giáo dục; Khả năng sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào giảng dạy, giáo dục	A4/4

Ký hiệu CDR	Mô tả chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
	và nghiên cứu khoa học; Coi trọng sự tu dưỡng bản thân, thể hiện phong cách và lối sống trung thực, trong sáng, lành mạnh Có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, hợp tác với đối tác và phục vụ khách hàng theo đúng yêu cầu về tiêu chuẩn hành nghề và đạo đức nghề nghiệp. Luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt trong cuộc sống và sự nghiệp.	

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP

Cử nhân ngôn ngữ Hàn Quốc của Đại học Đông Đô có những kiến thức cần thiết về lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, quan hệ quốc tế, môi trường của các nước thuộc khu vực Đông Bắc Á (Việt Nam, Hàn Quốc), có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành, có khả năng tham gia nhiều vị trí công tác trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ của các nước trong khu vực, ở Việt Nam, ở các nước sở tại, ở các miền, vùng lãnh thổ sử dụng tiếng Hàn, trong các tổ chức đơn vị doanh nghiệp có vốn đầu tư của Hàn Quốc; doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn...: Cán bộ quản lý (lãnh đạo, giám đốc, trưởng các bộ phận như: kinh doanh, nhân sự, pháp lý, truyền thông, quan hệ công chúng...); Cán bộ, nhân viên (cán bộ ngoại giao, kinh doanh, nhân sự, pháp lý, truyền thông, quan hệ công chúng; phóng viên quốc tế, biên tập viên; nhân viên hải quan, nhân viên Sở Ngoại vụ, nhân viên lễ tân, chăm sóc khách hàng, tiếp thị sản phẩm...); Biên dịch viên, phiên dịch viên (trợ lý của lãnh đạo, giám đốc, trưởng các bộ phận; hướng dẫn viên du lịch...); giảng viên, cán bộ nghiên cứu (trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu...).

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

Các khối kiến thức	Số TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	32
Khối kiến thức cơ sở ngành	20
Khối kiến thức chuyên ngành	70
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng	132

**Chưa tính 12 TC GDTC & DGQP*

6. DANH SÁCH HỌC PHẦN

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm
6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương					
Kiến thức giáo dục đại cương (Bắt buộc)			27		
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	7GDC027	Kỹ năng mềm	2	1	1
7	7NNH001	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	1.5	0.5
8	7GDC041	Dẫn luận Ngôn ngữ	2	1.5	0.5
9	7NNH003	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	1.5	0.5
Kiến thức giáo dục đại cương (Chọn)			4/8		
10	7GDC020	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1.5	0.5
11	7GDC021	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1.5	0.5
12	7NNH004	Hán - Hàn cơ sở	2	1.5	0.5
13	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5
Ngoại ngữ chọn 3 học phần 1 trong 2 loại ngoại ngữ sau					
14	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	2	1
15	7GDC016	Ngôn ngữ Trung 1	3	2	1
16	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	2	1
17	7GDC017	Ngôn ngữ Trung 2	3	2	1
18	7GDC009	Ngôn ngữ Anh 3	3	2	1
19	7GDC018	Ngôn ngữ Trung 3	3	2	1
20	7GDC019	Tin học đại cương	3	2	1
6.2.2. Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN					
	7GAQ001	Giáo dục QPAN	4		
	7GTC002	Giáo dục thể chất	8		
6.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			90		
6.2.3.1. Kiến thức cơ sở ngành (Bắt buộc)			20		
21	7NNH005	Phương pháp học tiếng Hàn Quốc	2	1	1
22	7NNH006	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 1	3	1	2
23	7NNH007	Đọc tiếng Hàn Quốc 1	3	1	2
24	7NNH008	Ngữ pháp, từ vựng tiếng Hàn Quốc 1	3	1	2
25	7NNH009	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 2	3	1	2
26	7NNH010	Đọc tiếng Hàn Quốc 2	3	1	2
27	7NNH011	Ngữ pháp+từ vựng tiếng Hàn Quốc 2	3	1	2

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/ thí nghiệm
6.2.3.2. Khối lượng kiến thức chuyên ngành 70 TC					
Kiến thức chuyên ngành (Bắt buộc)					
28	7NNH012	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 3	3	1	2
29	7NNH013	Đọc tiếng Hàn Quốc 3	3	1	2
30	7NNH014	Ngữ pháp, từ vựng tiếng Hàn Quốc 3	3	1	2
31	7NNH015	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 4	3	1	2
32	7NNH016	Đọc tiếng Hàn Quốc 4	3	1	2
33	7NNH017	Ngữ pháp, từ vựng tiếng Hàn Quốc 4	3	1	2
34	7NNH018	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 5	3	1	2
35	7NNH019	Đọc tiếng Hàn Quốc 5	3	1	2
36	7NNH020	Ngữ pháp, từ vựng tiếng Hàn Quốc 5	3	1	2
37	7NNH021	Nghe nói tiếng Hàn Quốc 6	3	1	2
38	7NNH022	Đọc tiếng Hàn Quốc 6	3	1	2
39	7NNH023	Ngữ pháp, từ vựng tiếng Hàn Quốc 6	3	1	2
40	7NNH024	Tiếng Hàn Quốc nâng cao (Đọc – Viết)	3	1	2
41	7NNH025	Tiếng Hàn Quốc nâng cao 2 (Nghe – Nói)	3	1	2
42	7NNH026	Tiếng Hàn Quốc kinh tế - thương mại	4	2	2
43	7NNH027	Tiếng Hàn Quốc du lịch	4	2	2
44	7NNH028	Tiếng Hàn Quốc chuyên ngành văn hóa	4	2	2
45	7NNH029	Kỹ năng thuyết trình tiếng Hàn Quốc	4	2	2
46	7NNH030	Địa lý Hàn Quốc	3	1	2
47	7NNH031	Kinh tế Hàn Quốc	3	1	2
48	7NNH032	Văn hóa Hàn Quốc	3	1	2
49	7NNH033	Lịch sử Hàn Quốc	3	2	1
6.2.4. Tốt nghiệp (Thực tập, khóa luận /học thay thế KL) - 10 TC					
6.2.4.1. Thực tập TN và khoá luận tốt nghiệp					
50	7NNH034	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
51	7NNH035	Khóa luận	6	0	6
6.2.4.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
52	NNH036	Quan hệ quốc tế của Hàn Quốc	3	2	1
53	NNH037	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	3	2	1
Tổng cộng			132		